TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/4/2024
Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Trung và bà Trần Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp *"tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1990; Cư trú ở: Thôn PA, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1992; Cư trú ở: Thôn PA, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện PH. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì bà L là người không biết chăm lo cho gia đình, nhiều lần vay tiền của ngân hàng và người ngoài, ông T không biết bà L vay tiền để làm gì nhưng các chủ nợ đến nhà đòi, ông T và gia đình đã nhiều lần bỏ tiền để trả nợ cho bà L với mong muốn bà L quay lại sống chung, cùng nuôi dạy con cái nhưng bà L không thay đổi, đến ngày 29/11/2023 bà L tự ý bỏ đi, cắt liên lạc với gia đình. Nay không thể chấp nhận người vợ như bà L không thể quay lại sống

chung với bà L, để ổn định cuộc sống ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng ông T, bà L sinh được 02 con chung: Đặng Thị Thanh T1, sinh ngày 23/7/2012 và Đặng Thế L1, sinh ngày 18/3/2014. Ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung từ khi bà L bỏ đi đến nay, ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Đặng Văn T quen biết nhau một thời gian thì tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện PH. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và cảm thấy không còn hợp nhau nữa nên không còn sống chung với nhau từ ngày 20/11/2023, không liên quan gì nhau. Nay ông T yêu cầu ly hôn thì bà L đồng ý.

Vợ chồng bà L, ông T có 02 con chung tên Đặng Thị Thanh T1, sinh ngày 23/7/2012 và Đặng Thế L1, sinh ngày 18/3/2014, hiện 02 con đang ở với ông T, khi ly hôn bà L đồng ý giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con và bà L yêu cầu được quyền thăm con sau khi ly hôn.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Đặng Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn với bà L; Về con chung: Hiện nay do ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, giao 02 con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét; Về tài sản

chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Thị Kim L và bị đơn có nơi cư trú tại xã HA, huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn và nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã HA, huyện PH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 26/10/2011 nên hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp. Ông T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà L không chăm lo cho gia đình, bà L gây nợ nần nhiều lần và bỏ nhà đi, cắt liên lạc, vợ chồng không còn sống chung với nhau, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2023, ông T yêu cầu giải quyết ly hôn và bà L đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L không còn hạnh phúc, không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Đặng Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị Kim L có 02 con chung tên Đặng Thị Thanh T1, sinh ngày 23/7/2012 và Đặng Thế L1, sinh ngày 18/3/2014. Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, ông T và bà L đều thừa nhận ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cùng thống nhất giao 02 con chung cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của 02 con và để ổn định cuộc sống của con chung, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao 02 con chung cho ông Đặng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Văn T đã được giải thích quy định pháp luật về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn ông T và bị đơn bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đặng Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. *Quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T, cho ông Đặng Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim L.

2. *Về con chung*: Giao 02 con chung tên Đặng Thị Thanh T1, sinh ngày 23/7/2012 và Đặng Thế L1, sinh ngày 18/3/2014 cho ông Đặng Văn T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản:* Nguyên đơn ông Đặng Văn T và bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Nguyên đơn ông Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại phiếu thu số 0010273 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HA
  (Số 139 ngày 26/10/2011);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Nhật